

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 36/CV-CP ngày 02/11/2023 của Công ty TNHH xây dựng Hoàng Trung Sơn về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án sản xuất, gia công các sản phẩm đèn led trang trí và đồ chơi điện tử tại xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và Công văn số 22/CV-QH ngày 22/11/2023 về việc giải trình hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án sản xuất, gia công các sản phẩm đèn led trang trí và đồ chơi điện tử tại xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1589/TTr-STNMT ngày 26 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH xây dựng Hoàng Trung Sơn, địa chỉ tại xóm 7 (nay là thôn Nhật Quả), xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án sản xuất, gia công các sản phẩm đèn led trang trí và đồ chơi điện tử tại xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất, gia công các sản phẩm đèn led trang trí và đồ chơi điện tử tại xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2801965645, đăng ký lần đầu ngày 21/8/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh

doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 2801965645

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công đèn LED trang trí và đồ chơi điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 17.632,20 m².

- Quy mô dự án: Xưởng sản xuất số 1, diện tích 4.508,7 m²; Xưởng sản xuất số 2, diện tích 4.508,7 m²; Nhà mái vòm diện tích 270m²; Nhà điều hành, diện tích 220m²; Nhà rác thải sinh hoạt, diện tích 24,2 m²; Nhà rác thải nguy hại, diện tích 24,2 m²; Kho hoá chất, diện tích 24,2 m²; Bể xử lý nước thải, diện tích 48,4 m²; Khu xử lý khí thải, diện tích 60,0 m² nhà bảo vệ và các hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ khác.

- Công suất dự án : 900.000 sản phẩm/năm.

- Công nghệ gia công, lắp ráp các thiết bị điện tử: Nguyên liệu → Lắp ráp → Chỉnh hình → Kiểm hàng → Đóng gói.

- Công nghệ sản xuất, gia công đồ chơi điện tử: Hạt nhựa (nguyên sinh) → Trộn hạt nhựa + phối màu → Gia nhiệt → Ép phun, tạo hình → Làm mát → Cắt bavia → Lắp ráp → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH xây dựng Hoàng Trung Sơn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH xây dựng Hoàng Trung Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05 tháng 12 năm 2023 đến ngày 05 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Triệu Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xây dựng
Hoàng Trung Sơn (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Triệu Sơn (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ, công nhân viên bao gồm: (i) nước thải đại tiện, tiểu tiện; (ii) nước thải tắm giặt, rửa tay chân, có lưu lượng lớn nhất là $27,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom về sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất $35,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình làm mát công đoạn đùn ép nhựa, lưu lượng lớn nhất là $10,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Thọ Dân - Lai Vi, thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- 01 (Một) dòng nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra Kênh tiêu Thọ Dân - Lai Vi, thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra Kênh tiêu Thọ Dân - Lai Vi, thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Toạ độ vị trí xả nước thải: $X = 2196862$; $Y = 559991$ (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°).

Điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $27,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tự chảy ra Kênh tiêu Thọ Dân - Lai Vi, thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, sau đó chảy ra sông Nhôm theo phương thức xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện → thu gom bằng đường ống HDPE D90 → Bể tự hoại 3 ngăn; Nước tắm giặt, rửa tay chân → thu gom đường ống HDPE D90. Toàn bộ các loại nước thải này sau khi xử lý sơ bộ chảy vào đường ống HDPE D110 - D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Hệ thống thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước → Kênh tiêu Thọ Dân - Lai Vi, sau đó chảy ra sông Nhôm.

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom bảo đảm hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 04/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 35 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải.
- Mẫu mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...)/.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn pha sơn, phun sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Trong khuôn viên Nhà máy, thuộc địa phận hành chính thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Dòng khí thải của nguồn số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải khu vực pha sơn, phun sơn.

- Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2196 816 (m); Y = 556 773 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 32.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 1; K_v = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B, K _p = 1; K _v = 1)	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Benzen	mg/Nm ³	-	5		
3	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
4	Butyl axetat	mg/Nm ³	-	950		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải

Nguồn số 01: được thu gom qua chụp hút, sau đó khí thải được dẫn Φ600 vào Buồng hấp phụ bằng than hoạt tính → Mô-tơ hút → Ống thải → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Khí thải (hơi dung môi) từ khu vực pha sơn, phun sơn → Chụp hút → Đường ống hút, dẫn khí → Buồng hấp phụ bằng than hoạt tính → Mô-tơ hút → Ống thải → Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 04/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực pha sơn, phun sơn, lưu lượng xả khí thải 32.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại thân ống thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực pha sơn, phun sơn.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Định kỳ 6 tháng/lần thay tấm lọc than hoạt tính. Than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất số 2.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động của máy thổi khí, máy bơm phục vụ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại thôn Nhật Quả, xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể:

- Tọa độ vị trí tại nguồn số 01: $X(m) = 2196914$; $Y(m) = 556794$.
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 02: $X(m) = 2196904$; $Y(m) = 556837$.
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 03: $X(m) = 2196853$; $Y(m) = 556754$.
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 04: $X(m) = 2196855$; $Y(m) = 556748$.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	14
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	600
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	600
4	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	300
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	300
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	6
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	200
8	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	60
9	Thiết bị điện tử thải	19 02 03	300
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 11 02	400
Tổng (kg)			2.780

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hạt nhựa rơi vãi	140
2	Bột màu rơi vãi	70
4	Tem mác	100
5	Thùng giấy, băng dính lõi hỏng	360
6	Đầu mẫu dây	70
7	Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông	1.000

	cống rãnh, hút bùn bể tự hoại	
9	Tổng cộng	1.740

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	33,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy có dung tích từ 40 - 240 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 24,2m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nằm trong nhà lưu chứa CTNH có mái che, sàn bê tông và lán vữa xi măng chống thấm, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ thu gom về điểm tập kết chất thải rắn công nghiệp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tần suất 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy 40-240 lít (hàng ngày công nhân vệ sinh thu gom chất thải rắn sinh hoạt 1 lần/ngày về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt), hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, định kỳ 1 lần/ngày.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 24,2 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ và phun khử mùi bằng chế phẩm EM với tần suất 02 lần/tuần.

2.4. Chuyển giao chất thải

Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

a. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 2 m³/ngày: thu gom và dẫn về hố lắng có kích thước 2,4 x 1,0 x 1,5 m (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng 1,0 m³/ngày: thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh 95 x 130 x 0245 cm. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 1 ngày/lần) đem đi xử lý bằng xe chuyên dụng.

b. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 1,2 m³/ngày, được thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm kích thước 0,5x0,5x 0,5m, sau đó đưa sang bể lắng bùn cát (1x1x1m) được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm để xử lý trước khi thải từ hoạt động rửa xe, rửa tay chân của công nhân được bố trí ở giai đoạn chuẩn bị tại ngay cạnh khu vực công ra vào dự án. Nước thải sau khi lắng được tận dụng làm nước chống bụi khu vực công trường và chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

c. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Che Chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước 0,5mx0,5mx0,5m) để lắng loại bỏ bùn đất.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

1.1.2. Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K =1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi tự chảy ra Kênh tiêu Thợ Dân - Lai Vi.

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình xử lý chất thải.

1.2. Về thu gom và xử lý khí thải

1.2.1. Trong giai đoạn thi công

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công. Dùng xe téc 5 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận.

- Quét dọn tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu QL47 trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Tây Bắc và Đông Nam dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,7 m, dài khoảng 687m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình nhà ở cao tầng trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

1.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch, tăng cường bố trí cây xanh trên vỉa hè dọc các tuyến đường với tổng diện cây xanh của dự án.

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hạ tầng kỹ thuật; phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng và thực hiện các quy ước về vệ sinh môi trường khu dân cư. Kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bố trí nhân công thường xuyên quét dọn, vệ sinh, tưới ẩm chống bụi sân đường nội bộ khu vực dự án.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng các quy định để đảm bảo môi trường khu vực dự án.

1.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.1. Trong giai đoạn thi công

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

Đối với chất thải rắn xây dựng:

- + Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi: thực hiện thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

- + Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

1.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Nhân viên thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng lưu giữ, thể tích từ 40 -240 lít, hàng ngày công nhân vệ sinh thu gom về khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý; phun chế phẩm EM với tần suất 02 lần/tuần để giảm thiểu mùi hôi phát sinh ra môi trường xung quanh.

1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

1.4.1. Trong giai đoạn thi công

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, được quay kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa,

đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa chất thải 40-240 lít/thùng để thu gom chất thải rắn nguy hại, các thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khu vực lưu chứa CTNH diện tích 24,2 m² đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tại khu vực lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

1.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

1.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn khó chịu.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng cao su tại chân đế, bệ máy của các thiết bị và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình.

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

1.6.1. Trong giai đoạn thi công:

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg tại khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động. Sử dụng lưới bảo hộ để phòng tránh tai nạn lao động và bụi trong hoạt động xây dựng tại các tầng cao.

- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.

1.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 35 m³/ngày đêm:

+ Vận hành Hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

- Đối với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ... tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất.

+ Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác vào đường thoát nước chung của khu vực.

+ Tổ chức vệ sinh hệ thống cống rãnh, không để bùn đất, rác thải vào cống thoát nước chung khu vực.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

1.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

1.7.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Dự án có 02 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày.đêm và Hệ thống xử lý bụi, khí thải khu vực pha sơn, phun sơn.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát:

+ Mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom nước thải.

+ Mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Tần suất, số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2).

1.7.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

2.1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022, Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2.4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải sau ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, kp = 0,8; kv = 1,2) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.5. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

2.6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2.7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2.8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

2.9. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.